

THÔNG TƯ

Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 38/2014/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau:

a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định;

b) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.”.

2. Bãi bỏ khoản 9.

Điều 2. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 8

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12

“3. Trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản của Ngân hàng Nhà nước phải nêu rõ lý do.”.

Chương II

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 34/2024/TT-NHNN
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG
HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN
PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC
NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2025/TT-NHNN**

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm theo thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận.”.

2. Bãi bỏ điểm đ(i) khoản 2.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 11

“c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài. Đồng thời, có văn bản thông tin đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Chương III

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 56/2024/TT-NHNN
QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU CỦA NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN
PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI
THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-NHNN**

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6

“2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn

phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7

“b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11

“b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trú bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a(iii) khoản 3 như sau:

“(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cổ đông sáng lập quản lý hoặc Bản sao có chứng thực văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán;

- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b(vii) khoản 3 như sau:

“(vii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện vốn góp không có quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;

- Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13

“3. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp không phải là ngân hàng gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư này, trừ thành phần hồ sơ: Đơn mua cổ phần; Điều lệ của tổ chức là ngân hàng thương mại; Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm a(ii) khoản 1 Điều 22

“(ii) Thẩm định hồ sơ (có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp của cá nhân liên quan trong trường hợp không khai thác được thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ) và có văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ gửi các thành viên Hội đồng thẩm định xem xét. Văn bản đề nghị thẩm định nêu rõ kết quả thẩm định và quan điểm đề xuất về việc cấp Giấy phép;”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 04

Bổ sung một đoạn vào cuối Phụ lục 04 như sau:

“- Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.”.

Chương IV

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 57/2024/TT-NHNN
QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU CỦA TỔ
CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI
THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-NHNN**

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6

“2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (bộ phận Một cửa) để đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 11

“b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a(iii) khoản 3 như sau:

“(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập là người quản lý trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc bản sao bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b(vi) khoản 3 như sau:

“(vi) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này; Văn bản Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp; Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp không có thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại Việt Nam phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan nước ngoài cấp không có thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng không thuộc trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a(ii) khoản 7 như sau:

“(ii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14

“a) Làm đầu mỗi tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính (sau đây gọi tắt Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu; có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp của cá nhân liên quan trong trường hợp không khai thác được thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự định đặt trụ sở chính, Bộ Công an (nếu cần thiết); trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hoặc không chấp thuận thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc không cấp Giấy phép cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng;”.

Chương V**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 62/2024/TT-NHNN
QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC TỔ
CHỨC LẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN
HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 26/2025/TT-NHNN
VÀ THÔNG TƯ SỐ 69/2025/TT-NHNN****Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10**

“2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- (i) Đề nghị chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ;
- (ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);
- (iii) Nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);
- (iv) Cam kết của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có).”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11

“2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- (i) Đề nghị chấp thuận hợp nhất;
- (ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);
- (iii) Các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);

(iv) Cam kết của tổ chức tín dụng đại diện về việc tổ chức tín dụng hợp nhất đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề khác có liên quan đến việc hợp nhất (nếu có);

đ) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất về:

(i) Thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hợp nhất và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;

(ii) Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

(iii) Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

e) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất quy định tại điểm i khoản 1 Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17

“2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;

(ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

(iii) Danh sách, mức và tỷ lệ góp vốn của các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

đ) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về:

(i) Thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

(ii) Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát; bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

g) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại điểm e khoản 1 Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

h) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán, văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần hoặc Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Giấy tờ chứng minh việc góp vốn của cổ đông mới trong trường hợp tiếp nhận cổ đông mới;

(ii) Hồ sơ của cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với cổ đông sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng;

(iii) Hồ sơ của cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

i) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư hoặc giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng vốn;

(ii) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý xác nhận tư cách thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

(iii) Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.”.

Điều 21. Bãi bỏ khoản 6 Điều 22

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24

“3. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 03

Bổ sung một đoạn vào cuối Phụ lục 03 như sau:

“- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.”.

Chương VI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 63/2024/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI; HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 24/2025/TT-NHNN, THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 8

1. Bãi bỏ điểm đ khoản 2.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Thu hồi Giấy phép:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 8 Điều này, Ngân hàng Nhà nước thực hiện một trong các biện pháp sau:

(i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Thông tư này;

(ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này;

(iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có);

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu quy định tại điểm a(iii) khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) khoản này.”

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16

“3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.”

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 22

“b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở, thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật;

(ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có);”

Chương VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 20/2025/TT-NHNN HƯỚNG DẪN VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7

“4. Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh

nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.”.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8

“3. Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.”.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9

“3. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời ngân hàng thương

mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải nêu rõ lý do.”.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13

“1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm là đầu mối đánh giá việc đáp ứng hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này; lấy ý kiến các đơn vị liên quan; có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp của cá nhân liên quan trong trường hợp không khai thác được thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ; tổng hợp và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại nêu tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.”.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14

“1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này; lấy ý kiến các đơn vị liên quan; có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp của cá nhân liên quan trong trường hợp không khai thác được thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 47/2025/TT-NHNN HƯỚNG DẪN THỦ TỤC CHẤP THUẬN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỔ PHẦN

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6

“2. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.”.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 49/2025/TT-NHNN CỦA THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHỮNG THAY ĐỔI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

a) Thay đổi tên;

b) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn;

c) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần, trừ trường hợp tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

d) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Việc tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.”.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

“Điều 7. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- Địa điểm hiện tại;

- Địa điểm dự kiến chuyển đến;

- Lý do thay đổi;

- Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới;

- Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính không khai thác được thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính đề nghị tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ảnh hưởng của việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính đối với hoạt động hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính quy định tại khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính có văn bản tham gia ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

3. Tối thiểu 21 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

5. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.”

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh);

(ii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d(ii), điểm d(iii) khoản 1 như sau:

“(ii) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới;

(iii) Báo cáo tài chính của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp chủ sở hữu, thành viên góp vốn là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điểm d khoản 1 như sau:

“d) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

“g) Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tổ chức dự kiến là cổ đông lớn là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.”.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Báo cáo tài chính của bên mua, bên nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;”.

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điểm d khoản 1 như sau:

“d) Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 như sau:

“i) Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.”.

Chương X

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 50/2025/TT-NHNN
QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN MỘT SỐ NỘI DUNG
THAY ĐỔI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI**

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 Điều 3

“4. Hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được gửi tới Ngân hàng Nhà nước bằng một trong các hình thức sau:”.

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, trừ những nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng chấp thuận những nội dung thay đổi của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại sau đây:

a) Địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại (trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại đang đặt trụ sở chính);

b) Tăng mức vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn;

c) Tăng mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Thay đổi tên và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở;

e) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận những nội dung thay đổi sau đây:

a) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn và dự kiến đặt trụ sở trên địa bàn (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở); sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi này;

b) Đối với trường hợp không thuộc điểm a khoản này:

Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn và dự kiến đặt trụ sở trên địa bàn (đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài

khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở).”.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5

“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và có quyết định sửa đổi Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

Đối với văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, ngân hàng thương mại bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất vào văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, ngân hàng thương mại không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước đề nghị ngân hàng thương mại nộp bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7

“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 45. Sửa đổi, bổ sung điểm c(i) khoản 1 Điều 9

“c) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh;”.

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Bổ sung điểm a(v) vào khoản 1 như sau:

“(v) Báo cáo tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ của thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam và thành viên mới chịu trách nhiệm về thông tin này;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c(ii) khoản 1 như sau:

“(ii) Đối với thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam));

- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);

- Báo cáo tình hình tuân thủ giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần dự kiến sau khi góp vốn;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c(iii) khoản 1 như sau:

“(iii) Đối với thành viên mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm:

- Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam);

- Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam));
- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của doanh nghiệp tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);
- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho doanh nghiệp được tham gia góp vốn vào ngân hàng;
- Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện đối với đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng khi góp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;
- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam);
- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);
- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;
- Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Chương XI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 55/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7

“b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm theo thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận.”.

Chương XII

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 60/2025/TT-NHNN
CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ
ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC GÓP
VỐN, MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 6

1. Bổ sung điểm c(xiv) vào sau điểm c(xiii) khoản 1 như sau:

“(xiv) Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán, tổ chức tín dụng phải cung cấp tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn, mua cổ phần và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ;”.

2. Bãi bỏ điểm d khoản 1.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;”.

4. Bổ sung cụm từ “điểm c(xiv)” vào sau cụm từ “điểm c(xiii)” tại tiêu đề điểm b khoản 3.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;”

6. Bổ sung cụm từ “điểm c(xiv)” vào sau cụm từ “điểm c(xiii)” tại tiêu đề điểm b khoản 4.

Chương XIII

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 61/2025/TT-NHNN
CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể (trừ trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động) phòng giao dịch.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét chấp thuận:

- a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch;
- c) Thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.”.

Điều 51. Bãi bỏ khoản 6 Điều 13

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ngân hàng thương mại gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực một lần trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước. Trường hợp chấp thuận văn phòng đại diện ở trong nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận đối với từng văn phòng đại diện ở trong nước.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận nêu tại khoản 5, 6 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này mà ngân hàng thương mại không khai trương

hoạt động, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đương nhiên hết hiệu lực.”.

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch các nội dung sau đây:

a) Ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch;

b) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.”.

2. Bãi bỏ khoản 3.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch sau khi đã đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều này, hoàn tất thủ tục pháp lý hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định.”.

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 4 như sau:

“c) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại điểm b khoản 3 hoặc điểm d khoản 4 Điều này về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

Việc thực hiện thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 2, 4 Điều 15 Thông tư này.”.

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 29

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước:

a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:

a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”.

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Điều 30

“Điều 30. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.

4. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại bị xem xét chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại;

b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

5. Chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp chi nhánh có chênh lệch thu chi trong 03 năm liên tiếp âm, trừ các trường hợp sau:

a) Trụ sở chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại thành lập tại vùng nông thôn;

b) Chi nhánh mới đi vào hoạt động trong 03 năm đầu.

6. Chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận bằng văn bản.

7. Căn cứ các trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại:

a) Có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại;

b) Có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

8. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.

9. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước hoặc Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản theo quy định tại khoản 7, 8 Điều này, ngân hàng thương mại phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại ngày chấm dứt hoạt động.”.

Điều 57. Thay thế Phụ lục I

Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương XIV

PHÂN CẤP THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 58. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thực hiện việc cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính trên địa bàn theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Chương XV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2026, trừ khoản 3 Điều này.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm c, d và đ khoản 2 Điều 1 và điểm b, c, d, đ và e khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Điều 3 Thông tư số 24/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

c) Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

d) Khoản 2 Điều 5, Điều 10, khoản 1 Điều 11, Điều 12 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy;

đ) Điều 35 Thông tư số 69/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

3. Các quy định về Phiếu lý lịch tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.

4. Đối với các hồ sơ đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 60. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty thông tin tín dụng chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 60;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, ATHT3 (03 bản).



Đoàn Thái Sơn



Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có): *Cơ quan cấp:*

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: *Fax:*

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài như sau:

I. Danh sách đề nghị

1. Mạng lưới hoạt động ở trong nước:

1.1. Thành lập chi nhánh:

1.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

- c) Tên đầy đủ bằng nước ngoài (nếu có)
- d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

1.1.3. Chi nhánh thuộc/ không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Thành lập phòng giao dịch

Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập	Địa điểm dự kiến (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)		Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch
	Địa điểm tại vùng nông thôn	Địa điểm khác	
<ul style="list-style-type: none"> a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có) c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có) d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có). 			

1.3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

- 1.3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;
- 1.3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

2. Mạng lưới hoạt động ở nước ngoài:

2.1. Thành lập chi nhánh:

- 2.1.1. Tên chi nhánh
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)
 - d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).
- 2.1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2.1.3. Vốn cấp cho chi nhánh (dự kiến).

2.2. Thành lập ngân hàng con ở nước ngoài:

2.2.1. Tên ngân hàng con

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.2.2. Địa điểm đặt trụ sở ngân hàng con.

2.2.3. Vốn thành lập ngân hàng con (dự kiến).

2.2.4. Thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con (tên, địa chỉ); dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.

2.3. Thành lập văn phòng đại diện:

2.3.1. Tên văn phòng đại diện;

2.3.2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc ngân hàng thương mại đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định

1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

1.2. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:

- Dự phòng chung thực trích:

- Dự phòng cụ thể phải trích:

- Dự phòng cụ thể thực trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

1.3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng liền trước kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc.

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

1.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

1.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

1.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị

2.1. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán:..... tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán:..... tỷ đồng

2.2. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.3. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm liền kề trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước tháng đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:
- Dự phòng chung thực trích:
- Dự phòng cụ thể phải trích:
- Dự phòng cụ thể thực trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

2.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.8. Kết quả xếp hạng đã được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị: ...

2.9. Điều kiện bổ sung đối với việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài:

i) Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

ii) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

iii) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

3. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:

STT	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch		Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch					
	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch	Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý	Thời gian hoạt động (tháng)	Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (%)	Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị (có/không)	Chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

